TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2024/HS-ST
Ngày: 17-7-2024.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bảo Trí

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đỗ Hữu Quang.

Ông Đinh Ngọc Minh.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Thu Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An tham gia phiên tòa*:** Bà Nguyễn Thị Hồng Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 27/2024/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2024/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 7 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: Lê Văn T, nơi sinh: Tiền Giang; nghề nghiệp: làm thuê. Nơi đăng ký HKTT: Ấp H, xã H, huyện T, tỉnh Tiền Giang. Trình độ học vấn: 04/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh, giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Văn T1 và bà Nguyễn Thị N; Vợ Nguyễn Thị Ngọc L; con: 02 người, lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2006.

Tiền sự, tiền án: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 27/5/2024 đến nay.

- *Bị hại:* Ông Nguyễn Minh H, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Long An.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Thanh T2. Địa chỉ: phường A, Thành phố A, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng tháng 7 năm 2023, bị cáo Lê Văn T

được ông Nguyễn Minh H thuê đến nhà tại ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Long An để sửa chữa và sơn lại nhà. Khoảng 16 giờ ngày 25/7/2023, ông H không có nhà, chỉ có vợ ông H ở phía trước nhà, bị cáo T đang sơn tường ở nhà dưới thì nghe có tiếng chuột chạy trên la phông nhà, bị cáo T đẩy la phông lên thì thấy trên la phông có 01 hộp nhôm tròn màu đỏ, 01 hộp nhựa hình chữ nhật màu vàng, bị cáo T mở ra thấy bên trong có nhiều vàng nên bị cáo T đã lấy trộm: 02 sợi dây chuyền vàng 24k mỗi sợi 01 lượng, 01 miếng vàng SJC 01 lượng, 01 sợi dây chuyền vàng 24k 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 24k 03 chỉ, 01 chiếc vòng vàng 24k 03 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24k 01 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 24k 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18k 07 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18k 06 chỉ, 02 sợi dây chuyền vàng 18k mỗi sợi 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18k 02 chỉ, 01 chiếc vòng cẩm thạch có cẩn vàng 18k 02 chỉ, bị cáo T bỏ vào túi quần sọt bên trái rồi đậy nắp hộp để lại vị trí cũ và đậy tấm la phong lại. Lúc này đã hết giờ làm nên bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 62F1-17xx đi về nhà. Trên đường về nhà, bị cáo T ghé quán nhậu cùng với bạn, khoảng 20 giờ bị cáo T về đến khu nhà trọ thuộc xã T, huyện T, tỉnh Tiền Giang để gặp bà Nguyễn Thị B là người sống chung như vợ chồng với T để đưa hết số vàng T vừa trộm được cho bà B và kêu bà B bán vàng trị bệnh tim cho con. Đến sáng hôm sau, bị cáo T vẫn đi làm bình thường. Khoảng 03 ngày sau, thấy ông H nghi ngờ bị cáo T trộm vàng nên bị cáo T nghỉ không làm cho ông H nữa. Đến cuối tháng 7 năm 2023, ông H cùng vợ đến nhà bị cáo T để nói chuyện và hỏi bị cáo T có lấy vàng thì cho xin lại nhưng bị cáo T không thừa nhận. Khi vợ chồng ông H ra về, khoảng 10 phút sau bị cáo T điện thoại cho ông H hẹn chiều ngày hôm sau sẽ trả lại vàng. Bị cáo T gặp bà B lấy lại số vàng thì bà B đưa cho bị cáo T 01 sợi dây chuyền, 01 mặt dây chuyền, 01 chiếc nhẫn và số tiền 60.000.000 đồng. Ngày hôm sau, bị cáo T điện thoại hẹn gặp ông H và thừa nhận đã trộm cắp số vàng của ông H vào ngày 25/7/2023, bị cáo T trả lại cho ông H 01 sợi dây chuyền, 01 mặt dây chuyền, 01 chiếc nhẫn và 60.000.000 đồng. Ông H thấy số vàng bị cáo T đưa không phải là của mình nên đem đến tiệm vàng kiểm tra, tổng số vàng bị cáo T đưa cho ông H có trọng lượng 01 lượng 08 chỉ lẻ 03 phân vàng 24K. Sau đó, ông H nói với bị cáo T là số vàng bị mất nhiều hơn số vàng và tiền mà bị cáo T trả lại cho ông H nên yêu cầu bị cáo T đưa thêm 160.000.000 đồng, khoảng 10 ngày sau bị cáo T trả tiếp cho ông H 160.000.000 đồng.

Tại Kết luận định giá số 27/KL-HĐĐG ngày 16/10/2023 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự huyện Châu Thành kết luận:

02 sợi dây chuyền vàng 24k, mỗi sợi 01 lượng có giá trị định giá: 55.400.000 đồng/ 01 lượng x 02 lượng = 110.800.000 đồng.

01 miếng vàng SJC 01 lượng x 66.600.000 đồng = 66.600.000 đồng.

01 sợi dây chuyền vàng 24k 05 chỉ x 5.540.000 đồng/ 1 chỉ = 27.700.000 đồng.

01 sợi dây chuyền vàng 24k 03 chỉ x 5.540.000 đồng/ 1 chỉ = 16.620.000 đồng.

01 chiếc vòng vàng 24k 03 chỉ x 5.540.000 đồng/ 1 chỉ = 16.620.000 đồng.

01 chiếc nhẫn vàng 24k 01 chỉ x 5.540.000 đồng/ 1 chỉ = 5.540.000 đồng.

01 đôi bông tai vàng 24k 01 chỉ x 5.540.000 đồng/ 1 chỉ = 5.540.000 đồng.

01 sợi dây chuyền vàng 18k 07 chỉ x 3.250.000 đồng/ 1 chỉ = 22.750.000 đồng.

01 sợi dây chuyền vàng 18k 06 chỉ x 3.250.000 đồng/ 1 chỉ = 19.500.000 đồng.

02 sợi dây chuyền vàng 18k, mỗi sợi 01 chỉ x 3.250.000 đồng/chỉ 6.500.000 đồng.

01 sợi dây chuyền vàng 18k 02 chỉ x 3.250.000 đồng = 6.500.000 đồng.

01 chiếc vòng cẩm thạch có cẩn vàng 18k 02 chỉ x 3.250.000 đồng = 6.500.000 đồng.

Tổng cộng: 311.170.000 đồng.

Vật chứng thu giữ gồm: 01 xe mô tô biển số 62F1-17xx cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thanh T2 do bị cáo Lê Văn T đã mua xe xong và chưa làm thủ tục sang tên đăng ký xe theo quy định.

Bị cáo, bị hại ông H thống nhất không có ý kiến gì về kết quả định giá.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Nguyễn Minh H đã nhận lại tài sản và tiền mặt xong nên ông H không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo T thừa nhận hành vi phạm tội và đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đối với vụ trộm. Lời khai nhận tội của bị cáo T phù hợp với với lời khai của bị hại, cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản cáo trạng số: 29/CT-VKSCT ngày 29/6/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An đã truy tố bị cáo Lê Văn T về tội: "Trộm cắp tài sản" theo điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38, Điều 50, các điểm b, s, khoản 1, 2 Điều 51 và Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

Bị cáo T chịu án phí theo quy định.

Vật chứng trong vụ án: 01 xe mô tô biển số 62F1-17xx cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mang tên Nguyễn Thanh T2 do bị cáo Lê Văn T đã mua xe xong và chưa làm thủ tục sang tên đăng ký xe theo quy định sử dụng vào việc đi làm thuê nên cần trả lại bị cáo.

Theo biên bản giao, nhận vật chứng vụ án ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường xong cho ông H, ông H không có yêu cầu gì khác nên không xem xét.

Bị cáo, ông H không tranh luận.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo T xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Châu Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung vụ án: Ngày 25/7/2023, bị cáo Lê Văn T được ông Nguyễn Minh H thuê sửa chữa nhà tại ấp A, xã C, huyện T, tỉnh Long An. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, bị cáo T phát hiện vàng của ông H cất giữ trên la phông nhà nên bị cáo T đã lấy trộm 02 sợi dây chuyền vàng 24k mỗi sợi 01 lượng, 01 miếng vàng SJC 01 lượng, 01 sợi dây chuyền vàng 24k 05 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 24k 03 chỉ, 01 chiếc vòng vàng 24k 03 chỉ, 01 chiếc nhẫn vàng 24k 01 chỉ, 01 đôi bông tai vàng 24k 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18k 07 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18k 06 chỉ, 02 sợi dây chuyền vàng 18k mỗi sợi 01 chỉ, 01 sợi dây chuyền vàng 18k 02 chỉ, 01 chiếc vòng cẩm thạch có cẩn vàng 18k 02 chỉ có tổng giá trị theo định giá là 311.170.000 đồng.

[3]. Tại phiên toà bị cáo T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình; Lời khai nhận tội của bị cáo T tại phiên tòa phù hợp với lời trình bày trong quá trình điều tra vụ án, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự quy định về tội trộm cắp tài sản:

"1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...".

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng;...".

[4]. Xét thấy, hiện nay tình hình trộm cắp tài sản của người khác tại địa phương huyện T ngày một tăng, hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện tính xem thường pháp luật. Bị cáo vì nổi lòng tham nhất thời mà phạm tội, hành vi của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự và gây hậu quả xấu ở địa phương. Để lập lại trật tự kỷ cương của pháp luật, cần tuyên cho bị cáo một hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội, thì

mới đề cao tính nghiêm minh của pháp luật cũng như răn đe và phòng ngừa chung.

Bị cáo T chưa có tiền án, tiền sự, bị cáo T thật thà khai báo, ăn năn hối cải; bồi thường xong cho bị hại; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo thuộc các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Do bị cáo T có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, nên cần xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo theo quy định tại Điều 54 Bộ luật hình sự.

Trong quá trình điều tra vụ án bị cáo T trình bày khi thực hiện trộm cắp tài sản của ông H xong, bị cáo mang số vàng trên về đưa lại cho bà Nguyễn Thị B là người sống chung như vợ chồng với bị cáo tại nhà trọ để trị bệnh cho con riêng của bị cáo. Cơ quan cảnh sát điều tra công an huyện Châu Thành cũng tiến hành các thủ tục xác minh, điều tra bà B. Do không rõ nhân thân, qua xác minh điện thoại không có thật, nơi ở trọ không có tên Nguyễn Thị B nên Cơ quan cảnh sát điều tra không có căn cứ xử lý bà B.

[5]. Với các chứng cứ nêu trên có đủ căn cứ kết luận bị cáo T phạm tội "Trộm cắp tài sản" mà Viện Kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành đã truy tố theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 173 Bộ luật hình sự.

[6]. Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành truy tố bị cáo về tội danh và hình phạt như trên là có căn cứ. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo với mức án như trên là phù hợp.

[7]. Vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: 01 xe mô tô biển số 62F1-17xx cùng giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 62F1-17xx mang tên Nguyễn Thanh T2 do bị cáo Lê Văn T đã mua xe xong và chưa làm thủ tục sang tên đăng ký xe theo quy định sử dụng vào việc đi làm thuê nên cần trả lại bị cáo. Theo biên bản giao, nhận vật chứng vụ án ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo T đã bồi thường xong cho ông H không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[9]. Về án phí: Bị cáo T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 173; Điều 38, Điều 50, Điều 54; các điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị Lê Văn T 05 (năm) tù.

Thời gian tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo T bị tạm giam là ngày 27/5/2024.

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự tiếp tục tạm giam bị cáo Lê Văn T 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 17/7/2024 để đảm bảo thi hành án.

Vật chứng trong vụ án: Áp dụng Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại bị cáo Lê Văn T 01 xe mô tô nhãn hiệu DH 88, biển số 62F1-17xx cùng giấy chứng nhận đăng ký xe tô biển số 62F1-17xx mang tên Nguyễn Thanh T2, số máy 1201075, số khung 1201111. Theo biên bản giao, nhận vật chứng vụ án ngày 01/7/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm sung công quỹ nhà nước.

Về kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh
- Viện kiểm sát huyện
- Chi cục THA dân sự huyện
- Bị cáo; Các đương sự.
- Lưu (hồ sơ, án văn)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Bảo Trí